



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 2600114002 ngày 22 tháng 3 năm 2007
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2600114002 ngày 29 tháng 3 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp.

Hội đồng Quản trị Ông Trần Hoàng Nam Chủ tịch
Ông Đoàn Tiến Dũng Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Tiến Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên Hà Thành viên
Ông Dương Thế Quang Thành viên

Ban Kiểm soát Bà Lê Thị Lan Anh Trưởng ban
Bà Hoàng Thanh Vân Thành viên
Bà Nguyễn Thị Mai Linh Thành viên
(từ ngày 9 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thanh Thủy Thành viên
(đến ngày 9 tháng 4 năm 2022)

Ban Giám đốc Ông Nguyễn Hồng Tiến Giám đốc
Ông Ngô Văn Phong Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu 6, Thị trấn Thanh Ba
Huyện Thanh Ba
Tỉnh Phú Thọ
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Hồng Tiên
Giám đốc

Tỉnh Phú Thọ, ngày 3 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 3 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00537-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 3 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		70.960.726.165	75.478.649.226
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	17.921.069.328	23.125.155.968
Tiền	111		10.421.069.328	1.125.155.968
Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	22.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.614.331.887	16.101.044.363
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.872.092.551	13.018.552.323
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.660.615.055	4.640.705.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		1.306.314.223	1.780.004.210
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(3.224.689.942)	(3.338.217.170)
Hàng tồn kho	140	8	40.556.118.655	35.063.801.307
Hàng tồn kho	141		44.248.014.544	38.639.759.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.691.895.889)	(3.575.958.507)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.869.206.295	1.188.647.588
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.869.206.295	1.085.324.747
Thuế phải thu Nhà nước	153	14(b)	-	103.322.841
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 250 + 260)	200		81.142.877.344	92.414.038.754
Tài sản cố định	220		66.178.886.733	74.820.985.438
Tài sản cố định hữu hình	221	9	66.178.886.733	74.820.985.438
Nguyên giá	222		259.983.087.144	260.392.642.041
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(193.804.200.411)	(185.571.656.603)
Bất động sản đầu tư cho thuê	230	10	884.522.570	1.037.708.322
Nguyên giá	231		8.331.337.229	8.331.337.229
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(7.446.814.659)	(7.293.628.907)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		8.530.500.000	8.530.500.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	11	8.530.500.000	8.530.500.000
Tài sản dài hạn khác	260		5.548.968.041	8.024.844.994
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.455.069.132	7.459.204.386
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.093.898.909	565.640.608
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		152.103.603.509	167.892.687.980

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		83.607.026.362	98.988.807.509
Nợ ngắn hạn	310		80.451.351.739	95.865.830.193
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	3.319.108.121	9.460.097.633
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.091.002.825	2.195.507.825
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14(a)	24.816.412.501	36.020.877.132
Phải trả người lao động	314		2.458.659.359	4.134.523.676
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		476.489.018	1.062.676.314
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	12.966.879.449	13.660.923.733
Vay ngắn hạn	320	16	31.500.000.000	26.860.393.408
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	2.822.800.466	2.470.830.472
Nợ dài hạn	330		3.155.674.623	3.122.977.316
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	3.155.674.623	3.122.977.316
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		68.496.577.147	68.903.880.471
Vốn chủ sở hữu	410	19	68.496.577.147	68.903.880.471
Vốn cổ phần	411	20	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	19.107.852.804	19.107.852.804
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.388.724.343	19.796.027.667
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.733.317.667	9.438.124.628
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.655.406.676	10.357.903.039
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		152.103.603.509	167.892.687.980

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Người lập:

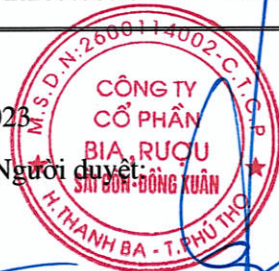


Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

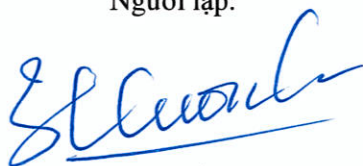
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	289.078.607.069	273.423.024.272
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	270.998.084.683	244.920.799.384
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		18.080.522.386	28.502.224.888
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	2.027.137.334	2.115.182.833
Chi phí tài chính	22	27	1.627.295.249	2.571.443.926
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.397.888.209	2.532.915.621
Chi phí bán hàng	25	28	2.285.880.751	2.657.981.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	9.318.343.062	9.753.394.504
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.876.140.658	15.634.588.136
Thu nhập khác	31		19.176.633	370.774.324
Chi phí khác	32		88.748.684	7.268.647
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(69.572.051)	363.505.677
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.806.568.607	15.998.093.813
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.916.320.232	4.101.825.953
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	31	(528.258.301)	(916.635.180)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.418.506.676	12.812.903.040
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	885	3.486

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	6.806.568.607	15.998.093.813
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	8.884.136.907	9.840.728.214
Các khoản dự phòng	03	165.042.530	1.488.311.458
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.756.641)	11.318.607
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.694.239.763)	(2.047.406.525)
Chi phí lãi vay	06	1.397.888.209	2.532.915.621
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	15.546.639.849	27.823.961.188
Biến động các khoản phải thu	09	5.135.339.942	4.619.370.239
Biến động hàng tồn kho	10	(5.608.254.730)	4.232.753.501
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(20.013.664.840)	1.019.368.035
Biến động chi phí trả trước	12	2.220.253.706	1.697.670.769
		(2.719.686.073)	39.393.123.732
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.358.756.511)	(2.586.055.444)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.948.592.130)	(3.584.275.867)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.603.775.075)	(2.287.747.620)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.630.809.789)	30.935.044.801
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(71.775.000)	(7.130.180.500)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	14.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	2.245.384.916	2.009.752.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.173.609.916	(5.106.427.905)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



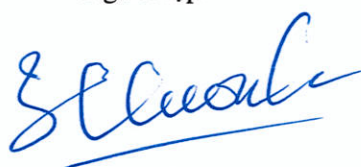
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	201.691.809.659	204.102.062.882
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(197.052.203.067)	(244.416.779.474)
Tiền chi trả cổ tức	36	(3.399.250.000)	(2.890.077.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.240.356.592	(43.204.794.355)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(5.216.843.281)	(17.376.177.459)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	23.125.155.968	40.508.328.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	12.756.641	(6.994.974)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	17.921.069.328	23.125.155.968

Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Phùng Thị Hiền Lương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Hoàng Thị Bình
Kế toán trưởng




Nguyễn Hồng Tiến
Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân (“Công ty”) là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước theo Quyết định số 500/QĐ-UBND ngày 6 tháng 3 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là BSD.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất cồn thực phẩm, rượu các loại, bia và nước giải khát có ga; kinh doanh bia, rượu và nước giải khát và cung cấp dịch vụ cho thuê.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 135 nhân viên (1/1/2022: 140 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 9.491 triệu VND (1/1/2022: 20.387 triệu VND). Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho công ty mẹ là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ, tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn các khoản tín dụng ngân hàng sẵn có và cũng không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng từ công ty mẹ và để tạo ra dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)



(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 44 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 3 – 21 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |

(g) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc Công ty. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 44 năm |
|--------------------------|-------------|

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho thuê. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tiền mặt	44.139.506	55.842.650
Tiền gửi ngân hàng	10.376.929.822	1.069.313.318
Các khoản tương đương tiền (*)	7.500.000.000	22.000.000.000
	17.921.069.328	23.125.155.968

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,3% đến 6% một năm (1/1/2022: 3,2% đến 3,5% một năm).

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.745.637.635	7.465.509.571
Công ty Cổ phần Thương Mại New Invention	1.125.205.581	1.209.710.581
Pomegranate Perspectives Pte. Ltd	451.903.363	2.021.749.962
Công ty TNHH Bia Sài Gòn Mê Linh	900.266.247	-
Các khách hàng khác	1.649.079.725	2.321.582.209
	7.872.092.551	13.018.552.323

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	3.745.637.635	7.465.509.571
Bên liên quan khác		
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	-	648.021.480

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.001.669.266	(2.001.669.266)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.224.689.942	(3.224.689.942)	-
	1/1/2022		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.115.196.494	(2.115.196.494)	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.223.020.676	(1.223.020.676)	-
	3.338.217.170	(3.338.217.170)	-

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.338.217.170	3.373.217.170
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(113.527.228)	(35.000.000)
	3.224.689.942	3.338.217.170
Số dư cuối năm	3.224.689.942	3.338.217.170

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	16.236.278.784	(373.240.274)	18.604.054.417	(362.820.150)
Công cụ và dụng cụ	6.832.146.325	(3.318.655.615)	6.179.244.323	(3.040.982.838)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.682.147.297	-	6.067.234.010	-
Thành phẩm	14.433.568.923	-	7.789.227.064	(172.155.519)
Hàng hóa	63.873.215	-	-	-
	44.248.014.544	(3.691.895.889)	38.639.759.814	(3.575.958.507)
	44.248.014.544	(3.691.895.889)	38.639.759.814	(3.575.958.507)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.575.958.507	2.230.718.706
Dự phòng trích lập trong năm	115.937.382	1.345.239.801
	3.691.895.889	3.575.958.507
Số dư cuối năm	3.691.895.889	3.575.958.507

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	24.213.399.798	229.495.284.767	6.683.957.476	260.392.642.041
Tăng trong năm	-	159.500.000	-	159.500.000
Xóa sổ	(569.054.897)	-	-	(569.054.897)
Số dư cuối năm	23.644.344.901	229.654.784.767	6.683.957.476	259.983.087.144
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.863.749.230	160.437.240.373	5.270.667.000	185.571.656.603
Khấu hao trong năm	654.904.553	7.784.599.062	291.447.540	8.730.951.155
Xóa sổ	(498.407.347)	-	-	(498.407.347)
Số dư cuối năm	20.020.246.436	168.221.839.435	5.562.114.540	193.804.200.411
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	4.349.650.568	69.058.044.394	1.413.290.476	74.820.985.438
Số dư cuối năm	3.624.098.465	61.432.945.332	1.121.842.936	66.178.886.733

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 151.791 triệu VND (1/1/2022: 150.539 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 49.392 triệu VND (1/1/2022: 54.203 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

10. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	8.331.337.229
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	7.293.628.907
Khấu hao trong năm	153.185.752
Số dư cuối năm	7.446.814.659
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.037.708.322
Số dư cuối năm	884.522.570

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 885 triệu VND (1/1/2022: 1.038 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương tự ở cùng vị trí với bất động sản đầu tư của Công ty. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2022		
			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	14.331.240.000
			1/1/2022		
	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ	853.050	6,82%	8.530.500.000	-	15.781.425.000

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.321.175.450	138.028.936	7.459.204.386
Tăng trong năm	562.450.272	-	562.450.272
Phân bổ trong năm	(3.428.556.590)	(138.028.936)	(3.566.585.526)
Số dư cuối năm	4.455.069.132	-	4.455.069.132

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/	
	Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Lương Thực Hà Nam Ninh	793.327.500	-
Công ty Cổ phần Hanacans	592.282.044	1.306.782.478
Công ty Cổ phần Kinh doanh Than và Xây Dựng Hà Nội	418.820.600	278.152.050
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	4.502.914.095
Các nhà cung cấp khác	1.514.677.977	3.372.249.010
	3.319.108.121	9.460.097.633

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/	
	Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	-	4.502.914.095
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương	31.614.532	-
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	30.132.000	-
	61.746.532	4.502.914.095

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các công ty liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Phân loại thành thuế phải thu VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.492.158.207	53.315.476.775	(32.582.329.409)	(21.973.095.347)	-	2.252.210.226
Thuế tiêu thụ đặc biệt	31.174.968.453	257.756.970.480	(267.881.336.114)	-	-	21.050.602.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.193.018.406	1.916.320.232	(1.948.592.130)	-	-	1.160.746.508
Thuế thu nhập cá nhân	84.942.146	447.386.833	(419.801.185)	-	-	112.527.794
Thuế nhà đất	-	550.072.253	(446.749.412)	-	(103.322.841)	-
Các loại thuế khác	75.789.920	336.420.604	(171.885.370)	-	-	240.325.154
	36.020.877.132	314.322.647.177	(303.450.693.620)	(21.973.095.347)	(103.322.841)	24.816.412.501

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2022 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	Phân loại từ thuế phải trả VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	21.973.095.347	(21.973.095.347)	-	-
Thuế nhà đất	103.322.841	-	-	(103.322.841)	-
	103.322.841	21.973.095.347	(21.973.095.347)	(103.322.841)	-

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	10.925.177.530	11.119.637.530
Cổ tức phải trả	1.734.192.038	2.133.442.038
Phải trả ngắn hạn khác	307.509.881	407.844.165
	<hr/>	<hr/>
	12.966.879.449	13.660.923.733
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bía, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	19.262.603.408	19.262.603.408	201.691.809.659	(189.454.413.067)	31.500.000.000	31.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.597.790.000	7.597.790.000	-	(7.597.790.000)	-	-
	26.860.393.408	26.860.393.408	201.691.809.659	(197.052.203.067)	31.500.000.000	31.500.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (i)	VND	8,20% - 8,30%	18.000.000.000	11.000.000.000
▪ Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (ii)	VND	7,80%	13.500.000.000	8.262.603.408
			31.500.000.000	19.262.603.408

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 15.313 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 16.518 triệu VND) (Thuyết minh 9) và bất động sản đầu tư có giá trị còn lại là 855 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 1.038 triệu VND) (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay có hạn mức tín dụng là 13.900 triệu VND và không được đảm bảo.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 2.159 triệu VND và 20.442 triệu VND (1/1/2022: 3.073 triệu VND và 22.156 triệu VND) đã được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quang Minh để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty. Các khoản vay này có số dư bằng không tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 11.478 triệu VND (1/1/2022: 12.456 triệu VND) được thế chấp tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty. Các khoản vay này có số dư bằng không tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.470.830.472	2.244.836.900
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	2.763.100.000	2.355.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	62.710.000	110.213.100
Sử dụng trong năm	(2.473.840.006)	(2.239.219.528)
Số dư cuối năm	<u>2.822.800.466</u>	<u>2.470.830.472</u>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.122.977.316	2.993.433.751
Dự phòng trích lập trong năm	162.632.376	178.071.657
Dự phòng sử dụng trong năm	(129.935.069)	(48.528.092)
Số dư cuối năm	<u>3.155.674.623</u>	<u>3.122.977.316</u>



Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021

Lợi nhuận thuần trong năm
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)
 Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)
 Trích quỹ công tác xã hội
 Cổ tức (Thuyết minh 21)

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022

Lợi nhuận thuần trong năm
 Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)
 Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)
 Cổ tức (Thuyết minh 21)

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	30.000.000.000	19.107.852.804	12.548.337.728	61.656.190.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	12.812.903.040	12.812.903.040
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(2.355.000.000)	(2.355.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(110.213.100)	(110.213.100)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(100.000.001)	(100.000.001)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	30.000.000.000	19.107.852.804	19.796.027.667	68.903.880.471
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	5.418.506.676	5.418.506.676
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(2.763.100.000)	(2.763.100.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(62.710.000)	(62.710.000)
Cổ tức (Thuyết minh 21)	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	30.000.000.000	19.107.852.804	19.388.724.343	68.496.577.147

CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.000.000	30.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

21. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 9 tháng 4 năm 2022 đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 3.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 3.000 triệu VND (tương đương 1.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

22. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng một năm	725.413.114	763.376.447
Từ hai đến năm năm	2.001.467.487	2.289.934.895
Sau năm năm	5.983.281.327	6.192.432.667
	8.710.161.928	9.245.744.009

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	74	1.733.511	384	8.691.270

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	11.190.000.000	11.190.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	1.846.750.000
	11.190.000.000	13.036.750.000

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	286.088.057.759	269.058.479.288
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu</i>		
<i>thụ đặc biệt</i>	543.705.765.876	500.315.208.133
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(257.617.708.117)	(231.256.728.845)
▪ Cung cấp dịch vụ	1.249.575.944	1.716.484.332
▪ Doanh thu khác	1.740.973.366	2.648.060.652
	<hr/>	<hr/>
	289.078.607.069	273.423.024.272
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	270.539.258.801	241.571.961.562
▪ Dịch vụ đã cung cấp	251.953.801	1.004.400.515
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	115.937.382	1.345.239.801
▪ Giá vốn khác	90.934.699	999.197.506
	<hr/>	<hr/>
	270.998.084.683	244.920.799.384
	<hr/>	<hr/>

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Cổ tức được chia	1.279.575.000	1.279.575.000
Lãi tiền gửi	485.312.313	758.862.527
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	237.327.284	74.869.811
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	12.756.641	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.166.096	1.875.495
	<hr/>	<hr/>
	2.027.137.334	2.115.182.833
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	1.397.888.209	2.532.915.621
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	229.407.040	27.209.698
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	11.318.607
	<hr/> 1.627.295.249	<hr/> 2.571.443.926 <hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	351.231.530	604.156.227
Chi phí khấu hao và phân bổ	224.483.856	224.483.856
Chi phí vận chuyển	933.730.000	1.012.317.028
Chi phí bán hàng khác	776.435.365	817.024.044
	<hr/> 2.285.880.751	<hr/> 2.657.981.155 <hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	5.346.941.819	5.555.415.928
Thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	598.000.005	598.000.000
Chi phí khấu hao và phân bổ	331.172.400	331.172.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.297.757.870	1.366.121.314
Chi phí quản lý khác	1.744.470.968	1.902.684.862
	<hr/> 9.318.343.062	<hr/> 9.753.394.504 <hr/>

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	245.363.124.842	207.615.790.641
Chi phí nhân công và nhân viên	25.338.148.814	25.333.577.539
Chi phí khấu hao và phân bổ	8.884.136.907	9.840.728.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.882.159.658	8.063.831.016
Chi phí khác	3.746.977.710	4.613.891.837

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	1,752,638,657	4,101,825,953
Dự phòng thiếu trong những năm trước	163,681,575	-
	1,916,320,232	4,101,825,953
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(528,258,301)	(916,635,180)
	1,388,061,931	3,185,190,773

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.806.568.607	15.998.093.813
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.361.313.721	3.199.618.763
Chi phí không được khấu trừ thuế	118.981.635	241.487.010
Thu nhập không bị tính thuế	(255.915.000)	(255.915.000)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	163.681.575	-
	1.388.061.931	3.185.190.773

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022	2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	5.418.506.676	12.812.903.040
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.763.100.000)	(2.355.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.655.406.676	10.457.903.040

Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông Thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 3.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán hàng hoá (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	476.446.204.280	431.260.842.784
Cung cấp dịch vụ	83.181.393	-
Mua nguyên vật liệu	190.258.029.687	148.742.952.182
Hoàn trả nguyên vật liệu	420.514.260	-
Mua dịch vụ	377.505.600	377.505.600
Trả cổ tức	1.537.050.000	1.537.050.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ		
Nhận cổ tức	1.279.575.000	1.279.575.000
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	-	589.110.436
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua hàng hóa	269.700.000	186.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ Khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	446.880.030	-
Mua dịch vụ	34.000.000	-
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	83.731.646	29.584.620
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Bắc		
Bán hàng hóa	12.654.545	-
Mua hàng hóa	145.101.470	-
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Trả cổ tức	150.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Đông Bắc		
Mua hàng hóa	86.300.160	-

Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Trần Hoàng Nam – Chủ tịch	130.000.000	79.283.076
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	91.000.000	113.261.538
Ông Nguyễn Hồng Tiến – Thành viên	91.000.000	79.283.076
Bà Nguyễn Thị Liên Hà – Thành viên	91.000.000	79.283.076
Ông Dương Thế Quang – Thành viên	91.000.000	79.283.076
Ban Giám đốc		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	1.329.526.211	1.452.255.433
Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Lê Thị Lan Anh – Trưởng ban	340.357.933	262.898.525
Bà Hoàng Thanh Vân – Thành viên	52.000.000	47.630.770
Bà Nguyễn Thị Mai Linh – Thành viên (từ ngày 9 tháng 4 năm 2022)	37.700.000	-
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên (đến ngày 9 tháng 4 năm 2022)	14.300.000	47.630.770



34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

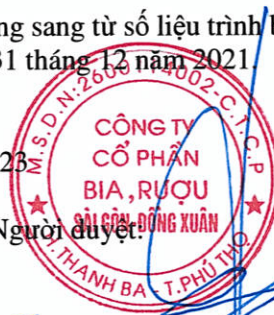
Ngày 3 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Phùng Thị Hiền Lương
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Hoàng Thị Bình
 Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tiến
 Giám đốc